

Số: /BC-TTBVT

Gia Lai, ngày tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng
(Từ ngày 12 tháng 3 đến ngày 18 tháng 3 năm 2026)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Nhiệt độ trung bình: 25 - 27°C

Cao nhất: 28 - 30°C

Thấp nhất: 16 - 22°C

Độ ẩm trung bình: 76 - 81%

Cao nhất: 88 - 93%

Thấp nhất: 55 - 68%

Tổng lượng mưa: 23 mm

Tổng số giờ nắng: 39 giờ

Nhận xét: Tuần qua, khu vực tỉnh Gia Lai ngày nắng nhẹ, đêm và sáng có lúc có mưa vài nơi, ngày 09/3 mưa lớn ở khu vực phía Đông tỉnh. Gió Đông Bắc cấp 2 - 3.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

TT	Cây trồng/vụ	Giai đoạn sinh trưởng	DT gieo trồng (ha)	DT thu hoạch (ha)
I	Cây lương thực		80.337	
1	Cây lúa (Đông Xuân)	Đòng trổ - chắc vàng	74.165	
2	Cây ngô (vụ Đông Xuân)	10 lá - phun râu	6.172	
II	Cây tinh bột có củ		19.173	
1	Cây sắn (vụ Đông Xuân)	Cây con	16.390	
2	Cây khoai lang (vụ Đông Xuân)	Cây con	2.783	
III	Cây thực phẩm		26.506	
1	Rau các loại (vụ Đông Xuân)	Nhiều giai đoạn	21.243	
2	Đậu các loại (vụ Đông Xuân)	Ra hoa - trái non	5.263	
IV	Cây công nghiệp ngắn ngày		57.571	258
1	Cây mía (cả năm)	Chín - Thu hoạch	47.729	258
2	Cây lạc (vụ Đông Xuân)	Ra hoa - quả non	9.852	
V	Cây hàng năm khác (vụ Đông Xuân)	Cây con	4.066	
VI	Cây công nghiệp dài ngày		253.460	

1	Cây cà phê	Ra hoa	107.945	
2	Cây cao su	Ra lá tập trung	85.917	
3	Cây điều	Ra hoa – Thu hoạch	41.232	
4	Cây dừa	Các giai đoạn	9.447	
5	Cây tiêu	Nuôi trái - Vào chắc	8.601	
6	Cây chè	Các giai đoạn	318	
VII	Cây ăn quả		34.816	
1	Cây sầu riêng	Chăm sóc - Ra hoa	8.131	
2	Cây chanh dây	Các giai đoạn	6.221	
3	Cây chuối	Các giai đoạn	7.276	
4	Các loại cây ăn quả khác	Các giai đoạn	14.743	

3. Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai: Trong kỳ, không có diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai.

II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Cây lúa					
1	Rầy nâu, rầy lưng trắng	500	1.000	3.000	Trưởng thành, trứng	Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp, Xuân An, ĐỀ GI, Cát Tiến, Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn, Hoài Ân, Vạn Đức, Ân Tường, Pờ Tó, Phú Thiện, Ia Tul...
2	Bệnh đạo ôn	5	10	-	C1-3	Tuy Phước, Tuy Phước Tây, Tuy Phước Đông, Tuy Phước Bắc, An Nhơn Tây, Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp, Bình Khê, Ya Hội, Ia Ly, Chu Păh, Ia Phí, Ia Pa, Ia Tul...

3	Bệnh khô vằn	10	20	-	C1-3	Tam Quan, Hoài Nhơn Bắc, Hoài Nhơn Tây, An Hòa, Vĩnh Quang, Vĩnh Thịnh, Hoài Ân, Vạn Đức, Tây Sơn, Bình Phú...
II Cây rau						
1	Sâu xanh	5	10	-	Nhiều lứa tuổi	Phú Thiện, An Bình, An Khê, An Phú, Đăk Pơ, Hội Phú...
2	Sâu tơ	10	20	-	Nhiều lứa tuổi	An Phú, Biển Hồ, Gào, Diên Hồng, Pleiku, Thống Nhất...
3	Bệnh thán thư	6	10	-	C1-3	An Khê, An Bình, Đăk Pơ, Kông Chro, Phú Thiện, Ia Tul...
4	Bệnh sương mai	5	10	-	C1-3	An Phú, Biển Hồ, Thống Nhất, Diên Hồng, Gào, Hội Phú, Pleiku...
5	Bệnh héo xanh vi khuẩn	2,5	5	-	C1-2	An Phú, Thống Nhất, Biển Hồ, Pleiku...
III Cây cà phê						
1	Rệp sáp	12,5	25	-	C1-2	Ia Hrun, Ia Krái, Ia Grai, Ia O, Ia Chín, Biển Hồ...
2	Rệp vảy	12,5	25	-	C1-2	Ia Hrun, Ia Grai, Ia O, Ia Chín...
3	Mọt đục cành	12,5	25	-	C1	Kon Gang, Đak Somei, Hra, Ayun, Kon Chiêng, Mang Yang, Ia Phí, Ia Ly, Chư Păh...
4	Bệnh gỉ sắt	15	30	-	C3-5	Ia Hrun, Ia Băng, Đak Đoa, Đak Somei, Mang Yang, Ia Grai, Ia Krái, Ia Grai, Ia Phí...
5	Bệnh khô cành	12,5	25	30	C1-2	Ia Hrun, Kon Gang, Lơ Pang, Hra, Ia Băng, Ia Krái, Chư Păh, Ia Phí, Ia Ly...
IV Cây hồ tiêu						
1	Tuyến trùng	5	10	15	C1-2	Mang Yang, Kon Gang, Lơ Pang, Ia Băng, Đak Đoa, Hra,...
2	Bệnh chết chậm	5	10	15	C1-2	Mang Yang, Kon Gang, Đak Somei, Lơ Pang, Hra...
3	Bệnh đốm đen lá	5	10	-	C1-3	Kon Gang, Ia Băng, Mang Yang, Lơ Pang...

V Cây điều						
1	Sâu đục thân, cành	5	10	15	C1	Ia Nan, Ia Puch, Ia Dom, Ia Mơ, Ia Krái, Ia Chía, Ia Dok, Ia O...
2	Bọ xít muỗi	5	10	15	C1-2	Ia Krái, Ia Chía, Ia Grai, Ia O...
3	Bệnh thán thư	5	10	-	C1-3	Ia Puch, Ia Dom, Ia Nan, Ia O, Ia Dok, Ia Krái...
VI Cây sầu riêng						
1	Bệnh cháy lá, chết đọt	5	10	-	C1-3	Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl...
2	Bệnh thối rễ	2,5	5	10	C1-2	Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl...
VII Cây chanh dây						
1	Bệnh virus hại lá, quả	5	10	-	C1-3	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boông, Bàu Cạn...
2	Bệnh đốm nâu	7,5	15	-	C1-2	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boông, Bàu Cạn...

2. Diện tích nhiễm SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I Cây lúa								
1	Rầy nâu, rầy lưng trắng	81,5	21,5	42	0	144	85,5	Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp, Xuân An, Đê Gi, Cát Tiến, Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn, Hoài Ân, Vạn Đức, Ân Tường, Pờ Tó, Phú Thiện, Ia Tul...
2	Bệnh đạo ôn cổ lá, cổ bông	15	2,5	0	0	17,5	17,5	Xuân An, Phù Cát, Tuy Phước, Tuy Phước Tây, An Nhơn Tây, Canh Vinh...
3	Bệnh khô	78	13	0	0	91	25	Tam Quan, Hoài Nhơn

	văn							Bắc, Hoài Nhơn Tây, An Hòa, Vĩnh Quang, Vĩnh Thịnh, Hoài Ân, Vạn Đức, Tây Sơn, Bình Phú...
II Cây rau								
1	Sâu xanh	46	0	0	0	46	22	Phú Thiện, An Bình, An Khê, An Phú, Đăk Pơ, Hội Phú...
2	Sâu tơ	23,5	0	0	0	23,5	6	An Phú, Biển Hồ, Gào, Diên Hồng, Pleiku, Thống Nhất...
3	Bệnh thán thư	30	0	0	0	30	22	An Khê, An Bình, Đăk Pơ, Kông Chro, Phú Thiện, Ia Tul...
4	Bệnh sương mai	17,5	0	0	0	17,5	8	An Phú, Biển Hồ, Thống Nhất, Diên Hồng, Gào, Hội Phú, Pleiku...
5	Bệnh héo xanh vi khuẩn	12	0	0	0	12	0	An Phú, Thống Nhất, Biển Hồ, Pleiku...
III Cây cà phê								
1	Rệp sáp	369	0	0	0	369	127	Ia Hrun, Ia Krái, Ia Grai, Ia O, Ia Chín, Biển Hồ...
2	Rệp vảy	176	0	0	0	176	0	Ia Hrun, Ia Grai, Ia O, Ia Chín...
3	Mọt đục cành	328	0	0	0	328	190	Kon Gang, Đak Somei, Hra, Ayun, Kon Chiêng, Mang Yang, Ia Phí, Ia Ly, Chư Păh...
4	Bệnh gỉ sắt	684	0	0	0	684	421	Ia Hrun, Ia Băng, Đak Đoa, Đak Somei, Mang Yang, Ia Grai, Ia Krái, Ia Grai, Ia Phí...
5	Bệnh khô cành	535	30	0	0	565	312	Ia Hrun, Kon Gang, Lơ Pang, Hra, Ia Băng, Ia Krái, Chư Păh, Ia Phí, Ia Ly...

IV Cây hồ tiêu								
1	Tuyến trùng	378	27	0	0	405	295	Mang Yang, Kon Gang, Lơ Pang, Ia Bãng, Đak Đoa, Hra...
2	Bệnh chết chặm	305	35	0	0	340	240	Mang Yang, Kon Gang, Đak Somei, Lơ Pang, Hra...
3	Bệnh đốm đen lá	50,5	0	0	0	50,5	28	Kon Gang, Ia Bãng, Mang Yang, Lơ Pang...
V Cây điều								
1	Sâu đục thân, cành	460	86	0	0	546	354	Ia Nan, Ia Puch, Ia Dom, Ia Mơ, Ia Krái, Ia Chía, Ia Đok, Ia O...
2	Bọ xít muỗi	157	18	0	0	175	59	Ia Krái, Ia Chía, Ia Grai, Ia O...
3	Bệnh thán thư	357	0	0	0	357	267	Ia Puch, Ia Dom, Ia Nan, Ia O, Ia Đok, Ia Krái...
VI Cây sầu riêng								
1	Bệnh cháy lá, chết đọt	165	0	0	0	165	154	Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl...
2	Bệnh thối rễ	65	11	0	0	76	60	Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl...
VII Cây chanh dây								
1	Bệnh virus hại lá, quả	52	0	0	0	52	43	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn,...
2	Bệnh đốm nâu	56	0	0	0	56	44	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn...

* **Thống kê diện tích nhiễm trong các đợt dịch:** Trong tuần, không có dịch.

3. Nhận xét tình hình SVGH trong kỳ

3.1. Trên cây lúa

- Rầy nâu, rầy lưng trắng: Phát sinh gây hại cục bộ lúa giai đoạn đòng trổ - ngâm sữa, mật độ 500 - 1.000 con/m², cục bộ ổ rầy >3.000 con/m², DTN 144 ha ở các xã, phường: Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp, Xuân An, Đè Gi, Cát Tiến, Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn, Hoài Ân, Vạn Đức, Ân Tường, Pò Tó, Phú Thiện, Ia Tul...Phát dục rầy tập trung pha trứng - tuổi 1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đang phối hợp với các địa phương hướng dẫn, chỉ đạo phòng trừ theo chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 2513/SNNMT-TTBVTV ngày 17/3/2026.

- Bệnh đạo cổ lá, cổ bông phát sinh gây hại cục bộ trên lúa đòng trổ - chắc xanh (tỷ lệ bệnh cục bộ 2,5 - 5%), DTN 17,5 ha, chủ yếu ở các xã, phường: Xuân An, Phù Cát, Tuy Phước, Tuy Phước Tây, An Nhơn Tây, Canh Vinh...

Ngoài ra, chuột gây hại cục bộ trên diện tích cũ; sâu cuốn lá, bệnh khô vằn... phát sinh gây hại rải rác ở các xã, phường.

3.2. Trên cây rau

- Sâu xanh gây hại rau họ thập tự 46 ha (mật độ cục bộ 5 - 10 con/m²), giảm 2 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã, phường: Phú Thiện, An Bình, An Khê, An Phú, Đăk Pơ, Hội Phú...

- Sâu tơ gây hại rau họ hoa thập tự, mật độ cục bộ 10 con/m², cao 20 con/m², DTN 23,5 ha (nhẹ), tương đương so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã, phường: An Phú, Biển Hồ, Gào, Diên Hồng, Pleiku, Thống Nhất...

- Bệnh thán thư phát sinh gây hại trên họ cà (ớt) 3 ha tỷ lệ (TL 6 - 10%), giảm 4 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã: An Khê, An Bình, Kông Chro, Phú Thiện...

- Bệnh sương mai phát sinh gây hại trên họ bầu bí 17,5 ha tỷ lệ (TL 5 - 10%), tăng 1,5 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã, phường: An Phú, Biển Hồ, Thống Nhất, Diên Hồng, Gào, Hội Phú, Pleiku...

Ngoài ra, ruồi đục lá, bọ nhảy, héo xanh vi khuẩn, bệnh đốm lá phát sinh gây hại cục bộ.

3.3. Trên cây cà phê

- Rệp sáp gây hại 369 ha (TL cục bộ 12,5 - 25%), tập trung ở các xã: Ia Hrung, Ia Krái, Ia Grai, Ia O, Ia Chín, Biển Hồ...

- Rệp vảy gây hại 17 ha (TL cục bộ 12,5 - 25%), tập trung ở các xã: Ia Hrung, Ia Grai, Ia O, Ia Chín...

- Mọt đục cành gây hại 328 ha (TL cục bộ 12,5 - 25%), giảm 13 ha so với kỳ trước, cà phê giai đoạn ra hoa ở các xã: Kon Gang, Đak Somei, Hra, Ayun, Kon Chiêng, Mang Yang, Ia Phí, Ia Ly, Chư Păh...

- Bệnh gỉ sắt gây hại 684 ha (TL cục bộ 15 - 30%), giảm 26 ha so với kỳ trước, ở các xã: Ia Hrung, Ia Băng, Đak Đoa, Đak Somei, Mang Yang, Ia Grai, Ia Krái, Ia Grai, Ia Phí...

- Bệnh khô cành gây hại 565 ha (TL 12,5 - 25%, cục bộ 30%), tăng 18 ha so với kỳ trước, ở các xã: Ia Hrung, Kon Gang, Lơ Pang, Hra, Ia Băng, Ia Krái, Chư Păh, Ia Phí, Ia Ly...

3.4. Trên cây hồ tiêu

- Tuyến trùng gây hại 405 ha (TL 5 - 10%, cục bộ 15%), giảm 2,5 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã: Mang Yang, Kon Gang, Lơ Pang, Ia Băng, Đak Đoa, Hra...

- Bệnh vàng lá chết chậm gây hại 340 ha (TLB 5 - 10%, cục bộ 15%), tăng 7 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã: Mang Yang, Kon Gang, Đak Somei, Lơ Pang, Hra...

Ngoài ra, rệp sáp, bệnh đốm đen lá, thán thư gây hại rải rác trên tiêu giai đoạn quả non - chắc hạt ở xã: Mang Yang, Kon Gang, Ia Băng, Lơ Pang, Hra...

3.5. Trên cây điều

- Sâu đục thân, cành (TL phổ biến 5 - 10%, cục bộ 15%), DTN 546 ha (nhiễm nhẹ 460 ha, trung bình 86 ha), tăng 2 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã: Ia Nan, Ia Puch, Ia Dom, Ia Mơ, Ia Krái, Ia Chía, Ia Dok, Ia O...

- Bọ xít muỗi hại lá (TL phổ biến 5 - 10%, cục bộ 15%), DTN 175 ha (nhiễm nhẹ 157 ha, trung bình 18 ha), giảm 6 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã: Ia Krái, Ia Chía, Ia Grai, Ia O...

- Bệnh thán thư tỷ lệ bệnh phổ biến 5 - 10%, DTN 357 ha (nhiễm nhẹ), giảm 1 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã: Ia Puch, Ia Dom, Ia Nan, Ia O, Ia Dok, Ia Krái...

3.8. Trên cây ăn quả

- Cây sầu riêng: Bệnh cháy lá chết ngọn gây hại 165 ha (nhẹ), bệnh thối rễ, thán thư lá... gây hại cục bộ trên địa bàn các xã: Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl...

- Cây chanh dây: Bệnh virus, đốm nâu gây hại trái cục bộ trên diện tích cũ ở xã Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn...

III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

- Trên cây lúa: Rầy non tiếp tục nở rộ đến ngày 25/3, khả năng gây hại lúa nặng cục bộ lúa chân 2 vụ giai đoạn đòng trổ - ngâm sữa và chân 3 vụ giai đoạn chắc xanh - chín sấp ở các xã, phường, tập trung khu vực phía Đông tỉnh; Ngoài ra, bệnh đạo cỏ lá, cỏ bông, bệnh khô vằn, lem lép hạt... gây hại cục bộ các trà lúa từ trổ - chắc xanh.

- Trên cây rau: Sâu xanh, sâu tơ, bọ nhảy tiếp tục gây hại trên họ hoa thập tự; bệnh thán thư, lở cổ rễ (trên cây ớt), héo xanh vi khuẩn (trên cà chua) gây hại trên họ cà; bệnh sương mai, bệnh phấn trắng, bệnh lở cổ rễ trên cây con phát sinh gây hại trên họ bầu bí.

- Cây lạc: Bệnh đốm lá, bệnh gỉ sắt, sâu ăn lá gây hại cục bộ giai đoạn đâm tia - tạo hạt.

- Cây ngô: Sâu đục thân, bệnh khô vằn, đốm lá... gây hại cục bộ giai đoạn xoáy nõn - phun râu.

- Trên cây cà phê: Rệp sáp, rệp vẩy, mọt đục cành, sâu đục thân, bệnh khô cành tiếp tục phát sinh gây hại cục bộ trong kỳ tới.

- Trên cây hồ tiêu: Tuyến trùng, rệp sáp, bệnh vàng lá chết chậm gây hại cục bộ.

- Trên cây ăn quả: Rệp sáp, bọ trĩ, bệnh cháy lá chết ngọn gây hại sầu riêng; bệnh virus hại lá, quả, bệnh đ m nâu gây hại quả trên chanh dây; rệp sáp, rầy bông xoài phát sinh gây hại cục bộ xoài giai đoạn ra hoa -trái non

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

Nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác phòng trừ các loại sâu, bệnh hại cây trồng trên địa bàn tỉnh, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đề nghị UBND các xã, phường chỉ đạo các Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công, bố trí công chức bám sát đồng ruộng, tăng cường công tác điều tra, phát hiện dự tính, dự báo; tổ chức đoàn thể tuyên truyền, hướng dẫn phòng chống sinh vật hại trên một số loại cây trồng như sau:

2.1. Trên cây lúa

- Khuyến cáo người dân áp dụng chương trình IPM, ICM ngay từ đầu vụ. Chỉ phun thuốc khi mật độ sâu, tỷ lệ bệnh vượt quá ngưỡng gây hại.

- Đối với rầy nâu, rầy lưng trắng:

+ Khi phát hiện rầy có mật độ từ 1.000 - 5.000 con/m² thì dùng một trong các loại thuốc trừ rầy sau để phun: Thuốc Chess 50 WG (hoạt chất Pymetrozine), liều lượng 3 gói (7,5 gam/gói) thuốc pha 24 lít nước phun 1 sào (500 m²); Thuốc Acnipyram 50WP (hoạt chất Nytenpiram), liều lượng 21 gam thuốc pha 24 lít nước phun 1 sào.

+ Đối với ruộng có mật độ rầy cao trên 5.000 con/m², sử dụng 100 ml Bassa 50 EC (hoạt chất Fenobucarb) hỗn hợp với 20 gam Titan 650WG (hoạt chất Nytenpiram + Pymetrozine) pha 32 lít nước phun cho 1 sào hoặc thuốc Acnipyram 50WP liều lượng 28 gam thuốc pha 32 lít nước phun 1 sào.

* Lưu ý: Để đảm bảo hiệu quả trừ rầy: Trước khi phun thuốc, nên cho nước vào ruộng từ 5 - 15 cm; phun thuốc phải đảm bảo lượng nước như hướng dẫn, phun kỹ vào phần thân và gốc lúa; phun vào chiều mát hoặc sáng sớm; sau khi phun 3 - 5 ngày, tiến hành kiểm tra ruộng, nếu thấy rầy còn sót lại cao hơn 1.000 con/m² (tương đương 2 con/dảnh) thì phun lại lần 2.

- Đối với bệnh đạo ôn cổ lá, cổ bông:

+ Biện pháp phòng: Sử dụng một trong các loại thuốc sau để phun: Beam 75WP (hoạt chất Tricyclazole), liều lượng 25 gam thuốc pha 24 lít nước phun 1 sào (500 m²); thuốc Katana 20SC (hoạt chất fenoxanil), liều lượng 24 ml thuốc pha 24 lít nước phun 1 sào.

+ Biện pháp trừ: Dùng một trong các loại thuốc sau để phun: Fuji-One 40EC (hoạt chất Isoprothiolane), liều lượng 100 ml pha 24 lít nước phun cho 1 sào; Fuji-One 40WP (hoạt chất Isoprothiolane), liều lượng 50 gam thuốc pha 24 lít nước phun cho 1 sào; Ninja 35EC (Fenoxanil 50g/l + Isoprothiolane 300g/l), liều lượng 50 ml pha 24 lít nước phun 1 sào.

* Lưu ý: Đối với những ruộng đã bị bệnh đạo ôn lá, để phòng trừ bệnh đạo ôn cổ bông, nên phun thuốc 2 lần: lần 1 khi lúa trổ lác đặc và phun lại lần 2 khi lúa trổ đều.

- Đối với sâu cuốn lá nhỏ: Sử dụng một trong các loại thuốc có hoạt chất như: Alpha-cypermethrin, Emamectin benzoate... để phun (theo liều lượng hướng dẫn trên bao bì của từng loại thuốc).

2.2. Trên cây rau, cây trồng cạn

- Tiếp tục ứng dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp IPHM, quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, sản xuất rau hữu cơ.

- Sử dụng chế phẩm sinh học: *Bacillus thuringiensis* (Bt), nấm trắng (*Beauveria bassiana*) để diệt trừ sâu xanh, sâu tơ; trường hợp mật độ sâu xanh >10 con/m², sâu tơ >20 con/m² sử dụng hoạt chất: Abamectin, Emamectin benzoate... để phun.

- Đối với bệnh lở cổ rễ: Phun một trong loại thuốc có hoạt chất: Polyoxin B, Propineb... ngay khi bệnh mới phát sinh.

- Đối với bệnh đốm lá, gỉ sắt: Phun một trong loại thuốc có hoạt chất Azoxystrobin, Propiconazole, Fenoxanil... Bệnh thán thư: Phun một trong loại thuốc có hoạt chất Boscalid, Pyraclostrobin, Chlorothalonil...

* Lưu ý: Ngưng sử dụng thuốc trước khi thu hoạch nhằm đảm bảo thời gian cách ly, tồn dư thuốc BVTV ảnh hưởng sức khỏe cho người tiêu dùng.

2.3. Trên cây cà phê

- Đối với cà phê kinh doanh: Tưới nước, bón phân đầy đủ để hạn chế rụng quả non.

- Đối với những diện tích đất chuẩn bị trồng tái canh cần cày sâu, phơi ải đất, thiết kế lô, đào hố, chuẩn bị cây giống khỏe, rõ nguồn gốc để trồng mới.

- Đối với rệp sáp: Sử dụng thuốc sinh học có hoạt chất *Abamectin*, *Azadirachtin* ... để phòng trừ. Trường hợp vườn bị hại nhiều sử dụng thuốc chứa hoạt chất hoặc hỗn hợp các hoạt chất như: *Pirimicarb* (min 95%), *Permethrin 100g/l* + *Profenofos 400g/l*, *Profenofos 100g/l* + *Thiamethoxam 147g/l*... để phòng trừ.

- Tiến hành phun trừ bệnh gỉ sắt bằng các loại hoạt chất Hecxaconazole, Propiconazole, Mancozeb (min 85%)... nhằm tránh lây lan ra diện rộng làm ảnh hưởng đến sự sinh trưởng cũng như ra hoa, đậu quả của cây (không phun thuốc khi hoa nở rộ).

2.4. Trên cây điều

- Cắt tỉa cành khô, sâu bệnh, cành vô hiệu để cây thông thoáng, tập trung dinh dưỡng, giúp ánh sáng vào tán cây.

- Phun thuốc có hoạt chất Permethrin, Cypermethrin, Dimethoate, hoặc sinh học (Nấm xanh/trắng) để phòng trừ bọ xít muỗi; sử dụng hoạt chất Abamectin 50 g/l + Matriline 5 g/l để phòng trừ sâu đục thân.

2.5. Trên cây hồ tiêu

- Vệ sinh vườn cây bằng cách: Thu gom và tiêu hủy tàn dư thực vật như lá rụng, cành gãy để tránh lây lan nấm bệnh.

- Tưới nước đủ ẩm cho cây, phủ gốc bằng rơm rạ, cỏ khô, xác bã thực vật sạch, dày 5 - 7cm, cách gốc 10 - 15cm để tránh nấm, giảm sức nhiệt và bốc hơi nước.

- Trong mùa khô, rễ hoạt động chậm, nên cần chọn dạng phân dễ tiêu như NPK, humic hoặc amino acid để cây phục hồi nhanh. Tránh bón phân quá nhiều, liều lượng lớn trong một lần, vì cây có thể sốc, đọt bị cháy hoặc vàng lá.

Chú ý theo dõi và phòng trừ kịp thời các đối tượng sâu, bệnh như tuyến trùng hại rễ, bệnh vàng lá chết nhanh, chết chậm.

- Đối với tuyến trùng hại rễ, sử dụng nấm tím (*Paecilomyces*) hoặc thuốc hóa học có hoạt chất *Clinoptilolite* để phòng trừ.

- Đối với bệnh chết nhanh, chết chậm sử dụng một trong các loại thuốc có hoạt chất Azoxystrobin 282g/l + Metalaxyl-M 108g/l, Bronopol (min 99%) để phòng trừ.

2.6. Trên các loại cây ăn quả

Hướng dẫn người dân áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất theo chuẩn VietGAP, GlobalGAP, Organic, Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), sử dụng phân bón hữu cơ, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học... giúp bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Trên cây chanh dây:

+ Nhóm bệnh virus và côn trùng môi giới (*rệp muội, bọ phấn, bọ trĩ*): Sử dụng treo bẫy dính vàng để dự tính, dự báo sớm sự xuất hiện của các môi giới truyền virus; sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có chứa các hoạt chất Spirotetramat, Abamectin, Azadirachtin... để phòng trừ.

+ Nhóm bệnh hại do nấm (*bệnh đốm nâu, đốm vòng, thối thân, thối quả, bệnh thối gốc - phình thân, bệnh thán thư*): Phòng trừ khi bệnh mới chớm xuất hiện bằng các loại hoạt chất như: Tebuconazole, Mancozeb, Azoxystrobin... khuyến cáo người dân luân phiên thuốc để tránh hiện tượng kháng thuốc.

- Trên cây sầu riêng:

+ Sử dụng phân bón lá: phun phân có hàm lượng lân và kali cao như MKP, KNO₃, hoặc 10-60-10 theo liều khuyến cáo trên bao bì để lá sớm thành thực, giúp quá trình tạo mầm hoa đạt hiệu quả.

+ Rải vôi xung quanh tán cây, tăng cường sử dụng phân hữu cơ hoại mục kết hợp nấm đối kháng *Trichoderma* đồng thời sử dụng các loại thuốc có chứa hoạt chất Mancozeb, Fosetyl-aluminium, Phosphorous để phòng trừ bệnh thối rễ.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Cục TT và BVTV (b/c);
- Trung tâm TT và BVTV Miền Trung (b/c);
- Chi cục trưởng (b/c);
- Các Phó Chi cục trưởng;
- Các Trng tâm Dịch vụ sự nghiệp công;
- Trang Thông tin điện tử Chi cục;
- Lưu: VT, BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Kiều Văn Cang

Phụ lục

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-TTBVTV ngày /3/2026 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Gia Lai)

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Cây lúa									
1	Rầy nâu, rầy lưng trắng	81,5	21,5	42	0	144	107		85,5	Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp, Xuân An, Đê Gi, Cát Tiến, Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn, Hoài Ân, Vạn Đức, Ân Tường, Pò Tó, Phú Thiện, Ia Tul...
2	Bệnh đạo ôn cổ lá, cổ bông	15	2,5	0	0	17,5	17,5		38	Tuy Phước, Tuy Phước Tây, Tuy Phước Đông, Tuy Phước Bắc, An Nhơn Tây, Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp, Bình Khê, Ya Hội, Ia Ly, Chư Păh, Ia Phí, Ia Pa, Ia Tul...
3	Bệnh khô vằn	78	13	0	0	91	-9		25	Tam Quan, Hoài Nhơn Bắc, Hoài Nhơn Tây, An Hòa, Vĩnh Quang, Vĩnh Thịnh, Hoài Ân, Vạn Đức, Tây Sơn, Bình Phú...
II	Cây rau									
1	Sâu xanh	46	0	0	0	46	-2		22	Phú Thiện, An Bình, An Khê, An Phú, Đăk Pơ, Hội Phú...
2	Sâu tơ	23,5	0	0	0	23,5	1		6	An Phú, Biển Hồ, Gào, Diên Hồng, Pleiku, Thống Nhất...

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
3	Bệnh thán thư	30	0	0	0	30	-4		22	An Khê, An Bình, Đăk Pơ, Kông Chro, Phú Thiện, Ia Tul...
4	Bệnh sương mai	17,5	0	0	0	17,5	1,5		8	An Phú, Biền Hồ, Thống Nhất, Diên Hồng, Gào, Hội Phú, Pleiku...
5	Bệnh héo xanh vi khuẩn	12	0	0	0	12	0		0	An Phú, Thống Nhất, Biền Hồ, Pleiku...
III	Cây cà phê									
1	Rệp sáp	369	0	0	0	369	23,5		127	Ia Hrung, Ia Krái, Ia Grai, Ia O, Ia Chín, Biền Hồ...
2	Rệp vảy	17	0	0	0	17	17		0	Ia Hrung, Ia Grai, Ia O, Ia Chín...
3	Mọt đục cành	328	0	0	0	328	-13		190	Kon Gang, Đak Somei, Hra, Ayun, Kon Chiêng, Mang Yang, Ia Phí, Ia Ly, Chư Păh...
4	Bệnh gỉ sắt	684	0	0	0	684	-26		421	Ia Hrung, Ia Băng, Đak Đoa, Đak Somei, Mang Yang, Ia Grai, Ia Krái, Ia Grai, Ia Phí...
5	Bệnh khô cành	535	30	0	0	565	18		312	Ia Hrung, Kon Gang, Lơ Pang, Hra, Ia Băng, Ia Krái, Chư Păh, Ia Phí, Ia Ly...
IV	Cây hồ tiêu									
1	Tuyến trùng	378	27	0	0	405	-2,5		295	Mang Yang, Kon Gang, Lơ Pang, Ia Băng, Đak Đoa, Hra,...

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
2	Bệnh chết chậm	305	35	0	0	340	7		240	Mang Yang, Kon Gang, Đak Somei, Lo Pang, Hra...
3	Bệnh đốm đen lá	50,5	0	0	0	50,5	-9		28	Kon Gang, Ia Băng, Mang Yang, Lo Pang...
V	Cây điều									
1	Sâu đục thân, cành	460	86	0	0	546	2		354	Ia Nan, Ia Puch, Ia Dom, Ia Mơ, Ia Krái, Ia Chía, Ia Đơk, Ia O...
2	Bọ xít muỗi	157	18	0	0	175	-6		59	Ia Krái, Ia Chía, Ia Grai, Ia O...
3	Bệnh thán thư	357	0	0	0	357	-1		267	Ia Puch, Ia Dom, Ia Nan, Ia O, Ia Đơk, Ia Krái...
VI	Cây sàu riêng									
1	Bệnh cháy lá, chết đọt	165	0	0	0	165	5		154	Chư Prông, Ia Tôr, Đúc Cơ, Ia Krêl...
2	Bệnh thối rễ	65	11	0	0	76	0		60	Chư Prông, Ia Tôr, Đúc Cơ, Ia Krêl...
VII	Cây chanh dây									
1	Bệnh virus hại lá, quả	52	0	0	0	52	2		43	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn,...
2	Bệnh đốm nâu	56	0	0	0	56	4		44	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn,...